

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** TH

Bản án số: 205/2018/HSPT

Ngày: 29/3/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thu;

Các Thẩm phán : Ông Vũ Mạnh Hùng;

Ông Ngô Tự Học.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Chu Thị Diệu, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng An, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 861/2017/TLPT-HS ngày 09 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2017/HSST ngày 27 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ

*** Bị cáo có kháng cáo:**

Nguyễn Văn T, sinh năm 1987; trú quán: Xóm 13, xã GL, huyện GT, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; văn hóa: Lớp 12/12; con ông: Nguyễn Văn Tr (tức Tuyền) và bà Đặng Thị L; vợ là Đỗ Thị Thanh L và có 01 con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giam từ ngày 05/10/2016 đến nay; có mặt.

*** Người bị hại không kháng cáo:**

Chị Hoàng Thị Th và anh Hoàng Văn T1 đều trú tại Khu 2, xã Xuân Quang, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ và Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T và anh Hoàng Văn T1 là bạn học cùng khóa 2006-2009 Trường Cao đẳng giao thông vận tải ở tỉnh Thái Nguyên. Ngày 30/01/2014, T

đến nhà anh T1 ở khu 2, xã Xuân Quang, huyện Tam Nông chơi và ăn Tết Nguyên đán. Trong thời gian này, anh T1 có nói với T về công việc của T1 chưa ổn định, muốn làm việc tại Thanh tra Bộ Xây dựng. T nói có quen biết nhiều Lãnh đạo ở Trung ương có thể giúp anh T1 xin vào làm ở Thanh tra Bộ Xây dựng, chi phí hết 280.000.000 đồng. Do tin tưởng T có khả năng xin được việc làm cho mình, anh T1 đã đồng ý nhờ T.

Khoảng 08 giờ ngày 04/2/2014, anh T1 và T đi xe máy xuống Hà Nội vào quán cà phê số 35 trên đường Nguyễn Chí Thanh. Tại đây, T gọi điện thoại cho đối tượng tên Nguyễn Tiến Thg đến. T giới thiệu Thg với anh T1 và nói Thg cũng quen biết nhiều Lãnh đạo của Bộ Xây dựng nhưng không nói gì về chuyện xin việc cho anh T1. Sau đó, Thg về trước, T và anh T1 tiếp tục bàn chuyện xin việc cho anh T1. T nói phải đặt cọc trước 50.000.000 đồng. Do không có tiền ngay, nên chiều cùng ngày, anh T1 đến nhà chị Đỗ Thị Nhg (là bạn) để vay 50.000.000 đồng đưa cho T. T bảo anh T1 về chuẩn bị hồ sơ xin việc và số tiền còn thiếu để đưa cho T.

Ngày 15/02/2014, Nguyễn Văn T trực tiếp đến nhà anh T1 đưa anh T1 xuống Hà Nội. Anh T1 mang theo 150.000.000 đồng và 01 bộ hồ sơ xin việc. Do chưa đủ tiền nên anh T1 đến nhà chị Nhg vay tiếp 80.000.000 đồng. Anh T1 đã đưa cho T 01 bộ hồ sơ xin việc và 230.000.000 đồng. T viết giấy biên nhận với nội dung: T nhận số tiền 280.000.000 đồng của anh T1 để xin cho anh T1 làm ở Thanh tra Bộ Xây dựng, nếu đến tháng 6/2014 không xin được việc sẽ trả lại tiền cho anh T1. T khai đã đưa toàn bộ số tiền 280.000.000 đồng cho Nguyễn T1 Thg để xin việc cho anh T1 nhưng không có biên nhận. T không biết rõ địa chỉ của Thg ở đâu. Hết tháng 6/2014, T không xin được việc cho anh T1 như cam kết. Anh T1 nhiều lần gọi điện và xuống Hà Nội để đòi tiền nhưng không gặp được T. Tháng 3/2015, T trả cho anh T1 10.000.000 đồng, tháng 12/2015, T trả tiếp cho anh T1 5.000.000 đồng. Tháng 8/2016, anh T1 đã làm đơn tố cáo Nguyễn Văn T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Phú Thọ về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Cũng trong thời gian T ở Tam Nông, anh T1 và T có đến nhà bố mẹ đẻ của chị Hoàng Thị Thu Th (là chị họ anh T1). Qua nhiều lần nói chuyện, T tự giới thiệu có quen biết nhiều người làm ở Quốc hội và nhiều cán bộ cấp cao ở Trung ương. T chủ động liên lạc với chị Th nói với chị Th việc T có khả năng xin được cho chị Th làm tại trường Đại học Hùng Vương, chi phí hết 150.000.000 đồng và nói T cũng đang lo xin việc cho T1. Ngày 30/4/2014, T hẹn vợ chồng chị Th tại quán hàng ăn gần đường Trần Đăng Ninh, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội rồi gọi điện cho đối tượng tên Lại Quốc Kh đến. Tại đây, T giới thiệu với vợ chồng chị Th Kh là Giảng viên quản trị kinh doanh Trường Đại học Quốc gia Hà Nội, nhưng không nói gì đến chuyện xin việc cho chị Th. Sau đó, T chủ động gọi điện bảo chị Th chuẩn bị hồ sơ xin việc và số tiền 150.000.000 đồng. Ngày 20/5/2014, T hẹn chị Th ở quán cà phê thuộc

phường Thanh Miếu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ để giao tiền và hồ sơ xin việc. Do chưa chuẩn bị đủ tiền nên chị Th đã đưa cho T 01 bộ hồ sơ xin việc và số tiền 113.000.000 đồng. T viết giấy biên nhận cho chị Th và cam kết nếu hết tháng 9/2014 T không xin được việc sẽ trả lại tiền cho chị Th. Sau khi nhận tiền của chị Th, T khai đã đưa cho Lại Quốc Kh 70.000.000 đồng, số tiền còn lại T sử dụng để tiếp khách, chi tiêu cá nhân. Hết tháng 9/2014, T không xin được việc làm cho chị Th theo thỏa thuận nên chị Th đã nhiều lần đòi tiền T. Ngày 30/8/2016, T mới trả được cho chị Th 10.000.000 đồng. Chị Th đã gửi đơn tố cáo T đến Công an tỉnh Phú Thọ.

Ngoài ra, ngày 10/02/2014, T còn nhận tiền của bà Phan Thị Thanh H1 ở khu 4, Xuân Quang, Tam Nông, Phú Thọ 360.000.000 đồng để xin cho con trai bà H1 là Đỗ Sơn H2 - sinh năm 1985 vào làm lái xe của trường Học viện Cảnh sát nhân dân. T viết giấy vay tiền bà H1 mục đích để kinh doanh nhưng thực chất là nhận tiền xin việc cho con trai bà H1 và giao hẹn tháng 10/2014 sẽ trả, đồng thời giao cho bà H1 01 quyển hộ chiếu mang tên Nguyễn Văn T để làm tin. Sau khi nhận tiền của bà H1, T khai đã đưa 360.000.000 đồng cho Nguyễn T1 Thg để lo xin việc cho con bà H1 nhưng không có biên nhận gì. Sau đó, T không xin được việc cho con trai bà H1 như cam kết, bà H1 nhiều lần đòi tiền nên T đã trả được cho bà H1 tổng số tiền là 151.520.000 đồng. Hiện còn chiếm đoạt của bà H1 208.480.000 đồng. Ngày 12/8/2016, bà H1 đã làm đơn tố cáo T lừa đảo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Phú Thọ. Tổng số tiền T đã nhận của anh T1, chị Th, bà H1 là 753.000.000 đồng.

Ngày 05/10/2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Phú Thọ đã T1 hành bắt khẩn cấp đối với Nguyễn Văn T, thu giữ trong người T 5.364.000 đồng tiền Việt Nam; 01 thẻ ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, trong thẻ có 20.000.000 đồng. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đã ra Quyết định, xử lý vật chứng trả cho anh Hoàng Văn T1 15.364.000 đồng; trả cho chị Hoàng Thị Thu Th số tiền 10.000.000 đồng.

Đối với Nguyễn Tiến Thg và Lại Quốc Kh là những người mà T khai đã đưa tiền để lo xin việc cho anh T1 và chị Th, quá trình xác minh, không xác định được địa chỉ của Thg; tại trường Đại học Quốc gia không có giảng viên nào tên là Kh dạy quản trị kinh doanh. Sau khi nhận tổng số tiền 753.000.000 đồng của 3 cá nhân trên, T không đến Bộ Xây dựng, Học viện cảnh sát, Đại học Hùng Vương để xin việc cho anh T1, chị Th, anh H2.

Tại phiên tòa xét xử Nguyễn Văn T ngày 23/5/2017, Luật sư bào chữa cho bị cáo xuất trình đăng ký kinh doanh của Nguyễn Tiến Thg, thành lập Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và đầu tư Công nghệ cao KBF- Japan, có địa chỉ ở số nhà 48C, ngõ 87, đường Láng Hạ, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, mã số doanh nghiệp 0107081185 và đề nghị Hội đồng xét xử trả hồ sơ cho Viện kiểm sát để điều tra bổ sung, xác minh đối với

Nguyễn Tiến Thg để xác định rõ hành vi mà bị cáo T có phạm tội hay không? Bị cáo T cho rằng bản thân bị cáo nhận tiền của bà Phan Thị Thanh H1 để xin việc cho con rể bà H1 là Trần Nam Tr còn bà H1 lại cho rằng đưa tiền cho T để nhờ xin việc cho con trai là Đỗ Sơn H2. Do đó, ngày 23/5/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã trả hồ sơ cho Viện kiểm sát để điều tra bổ sung.

Kết quả điều tra bổ sung: Cơ quan điều tra tiến hành xác minh ở địa chỉ do Luật sư cung cấp, tại số 48C, ngõ 87, phố Láng Hạ, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, đây là gia đình bà Hoàng Thị Thanh H3, bà H3; cung cấp: Biên hiệu Công ty cổ phần xuất nhập khẩu và đầu tư công nghệ cao KBF-Japan gia đình bà có cho treo nhờ cách đây 1 năm. Tuy nhiên, Công ty không hoạt động gì bà cũng không biết Giám đốc Công ty là ai, đã chuyển đi đâu làm gì bà không biết. Hiện bà đã tháo biên hiệu của Công ty trên. Các nội dung này đã được Công an phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội xác nhận.

Đối với chị Hoàng Thị Thu Th và anh Hoàng Văn T1 vẫn khẳng định đã đưa tiền cho T để nhờ T xin việc, chị Th vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu Cơ quan điều tra xử lý T theo quy định của pháp luật. Còn anh T1 có đơn xin rút yêu cầu, tuy nhiên, theo quy định của pháp luật, vụ án khởi tố không phải do yêu cầu của người bị hại theo quy định tại Điều 105 Bộ luật tố tụng hình sự, nên T vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự đối với khoản tiền đã nhận để lo xin việc cho anh T1.

Cơ quan điều tra cũng lấy lời khai của anh Đỗ Sơn H2, anh H2 khẳng định không làm hồ sơ xin việc vào làm lái xe Trường Cảnh sát; đồng thời Cơ quan điều tra cũng đấu tranh với bà Phan Thị Thanh H1 thì bà H1 thừa nhận gia đình bà đã đưa cho Nguyễn Văn T tổng số tiền 400 triệu đồng, để T lo xin việc cho con trai bà là anh Đỗ Sơn H2 làm lái xe trong trường Cảnh sát nhưng do H2 không đồng ý nên đã không làm hồ sơ đưa cho T, sau đó bà H1 nói với T về việc không nhờ xin việc cho H2 nữa nên T đã trả cho bà H1 40 triệu đồng, số tiền còn lại T hỏi vay bà H1 và bà H1 đã đồng ý. Anh Trần Nam Trg - con rể bà H1 khẳng định: Bản thân và gia đình không hề nhờ T xin chuyển công tác. Nay, bà H1 xác định đó là tiền gia đình bà cho T vay chứ không phải là tiền “chạy xin việc”, trước đây bà làm đơn tố cáo T vì bà bức xúc không đòi được tiền của T nên khai báo như vậy, nhưng nay bà nhận thức số tiền đưa cho T thực chất là bà cho T vay để kinh doanh. Ngày 09/6/2017, bà H1 có đơn xin rút yêu cầu giải quyết đối với tố giác của bà vì bà xác định đây là quan hệ dân sự, hơn nữa bà H1 có thái độ không hợp tác với Cơ quan điều tra, không đến làm việc khi được triệu tập đối chất với Nguyễn Văn T. Do vậy, Cơ quan điều tra đã trả lại đơn tố giác của bà H1.

Như vậy, có đủ cơ sở để xác định Nguyễn Văn T đã lừa đảo chiếm đoạt của anh Hoàng Văn T1 và chị Hoàng Thị Thu Th 393.000.000 đồng. T đã

trả được cho chị Hoàng Thị Thu Th 20.000.000 đồng, trả cho anh Hoàng Văn T1 30.364.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2017/HSST ngày 27/9/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 08 (Tám) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 05/10/2016.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/9/2017, Nguyễn Văn T kháng cáo xin giảm hình phạt cho rằng bị cáo chỉ bị truy tố theo khoản 2 Điều 139 nhưng Tòa án áp dụng khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự xử bị cáo 8 năm tù là nặng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ kháng cáo cho rằng bị cáo chỉ là người giới thiệu đối tượng Thg, Kh để chị Th, anh T1 đưa tiền cho họ; bị cáo xin nhận trách nhiệm với bị hại nhưng đề nghị được xem xét lại và giảm nhẹ cho bị cáo vì: Giấy nhận tiền bị cáo viết cho các bị hại vào cùng một thời điểm và bị ép phải viết; bị cáo chỉ là người giới thiệu, không được hưởng lợi; đối tượng Thg là người có địa chỉ cụ thể, chỉ là vắng mặt; bị cáo chỉ nhận một phần tiền của anh T1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội kết luận: Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, các phiên tòa, lời khai người bị hại có đủ căn cứ để xác định hành vi phạm tội của bị cáo như Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết. Tại phiên tòa, bị cáo không nhận thức được hành vi phạm tội của mình, khai nại không có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, lời khai của những người bị hại tại cơ quan điều tra, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử có các nhận định sau đây:

[1] Tuy không có việc làm ổn định, không có chức năng tuyển dụng công chức, viên chức cũng như chuyên công tác nhưng Nguyễn Văn T đã gian dối nói với anh Hoàng Văn T1 là bạn học mình có mối quan hệ quen biết nhiều lãnh đạo ở Trung ương, hứa hẹn xin được việc cho anh T1, người quen của anh T1. Khi những người có nhu cầu tìm việc làm tin tưởng, T yêu cầu họ đưa tiền để làm chi phí xin việc, đưa hồ sơ xin việc cho T. Nhận tiền và hồ sơ xong, T không xin việc cho họ như đã hứa mà ăn tiêu hết số tiền này và không

có ý thức trả lại tiền cho các bị hại. Những người bị hại đã gọi điện thoại, gặp trực tiếp T và gia đình T để đòi tiền nhưng không có kết quả. Quá bức xúc, họ đã làm đơn tố cáo T lừa đảo chiếm đoạt tiền của họ đến Công an tỉnh Phú Thọ để được điều tra làm rõ.

[2] Kết quả điều tra đã xác định được với thủ đoạn như đã nêu trên, Nguyễn Văn T đã thực hiện các hành vi cụ thể sau đây:

[2.1] Nguyễn Văn T và anh Hoàng Văn T1 là bạn học. T tự giới thiệu với anh T1 việc T có quen biết nhiều người làm Lãnh đạo ở Trung ương và có thể giúp anh T1 xin vào làm ở Thanh tra Bộ xây dựng, chi phí hết 280.000.000 đồng. Do tin tưởng T có khả năng xin được việc làm cho mình, anh T1 đã đồng ý và hai lần giao tiền cho T. Lần thứ nhất vào chiều ngày 04/02/2017, anh T1 đến nhà chị Đỗ Thị Nhg để vay 50.000.000 đồng đưa cho T. Lần thứ hai: Ngày 15/02/2014, anh T1 đưa cho T 01 bộ hồ sơ xin việc và 230.000.000 đồng. T không xin được việc cho anh T1 như cam kết, anh T1 nhiều lần gọi điện và xuống Hà Nội để đòi tiền nhưng không gặp được T. Tháng 8/2016, anh T1 đã làm đơn tố cáo Nguyễn Văn T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Phú Thọ về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

[2.2] Chị Hoàng Thị Thu Th là chị họ của anh T1 có nhu cầu vào làm tại Trường Đại học H2 Vương. T chủ động liên hệ với chị Th nói mình có khả năng xin được, chi phí hết 150.000.000 đồng và T nói cũng đang xin việc cho T1. Ngày 20/5/2014, T đã nhận của vợ chồng chị Th 01 bộ hồ sơ xin việc và số tiền 113.000.000 đồng. T viết giấy biên nhận cho chị Th và cam kết nếu hết tháng 9/2014 T không xin được việc cho chị Th sẽ trả lại tiền. T không xin được việc làm cho chị Th theo thỏa thuận nên chị Th đã nhiều lần đòi tiền T. Ngày 30/8/2016, T mới trả được cho chị Th 10.000.000 đồng. Chị Th đã tố cáo hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của T đến Công an tỉnh Phú Thọ.

[2.3] Cũng với thủ đoạn nêu trên, T còn nhận 360.000.000 đồng của bà Phan Thị Thanh H1 ở khu 4, Xuân Quang, Tam Nông, Phú Thọ, để xin cho con trai bà H1 là Đỗ Sơn H2 vào làm lái xe của Học viện Cảnh sát nhân dân. T không xin được việc cho con trai bà H1 như cam kết. Bà H1 nhiều lần đòi tiền nên T đã trả được cho bà H1 tổng số tiền là 151.520.000 đồng. Hiện còn chiếm đoạt của bà H1 208.480.000 đồng. Ngày 12/8/2016, bà H1 đã làm đơn tố cáo T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Phú Thọ.

[3] Các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm ban đầu khởi tố, điều tra, truy tố Nguyễn Văn T theo điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra, bà Phan Thị Thanh H1 không hợp tác với cơ quan điều tra, hơn nữa đã đòi lại một phần tiền T chiếm đoạt nên đã có đơn xin rút yêu cầu và cho rằng bà đã cho T vay tiền, không phải T lừa chiếm đoạt. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ chỉ truy tố T theo khoản 3 Điều 139 Bộ luật

hình sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên lại đề nghị rút truy tố hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của anh T1 với lý do: Chưa làm rõ được có đồng phạm với T không trong hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của anh T1; anh T1 rút yêu cầu, không hợp tác với cơ quan tố tụng.

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án mà cơ quan điều tra đã thu thập hợp pháp có đầy đủ căn cứ để xác định Nguyễn Văn T đã thực hiện hành vi gian dối để chiếm đoạt tài sản của ba người bị hại với tổng số tiền là 753.000.000 đồng. Hành vi đó của bị cáo đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Do Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ truy tố hành vi của bị cáo đối với hai người bị hại là anh T1, chị Th với số tiền chiếm đoạt là 393.000.000 đồng nên thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự và Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử đối với điều khoản này. Việc Kiểm sát viên tại phiên tòa rút truy tố đối với hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của anh T1 cho bị cáo trong trường hợp này là không có căn cứ. Nếu có đồng phạm với T để lừa anh T1 thì cũng không làm thay đổi bản chất là T đã chủ động lừa và chiếm đoạt tiền của anh T1. Việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ, đúng pháp luật. Kháng cáo của bị cáo về nội dung này không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng: Nguyễn Văn T là người có đủ năng lực nhận thức xã hội, có trình độ, là bạn học nhiều năm của anh Hoàng Văn T1 nhưng lợi dụng mối quan hệ đã nhẫn tâm lừa chính bạn mình, chị bạn để chiếm đoạt 393.000.000 đồng. Bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần, với nhiều người. Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, xâm phạm đến tài sản hợp pháp của những người bị hại, gây bức xúc cho bị hại. Tại cơ quan điều tra và các phiên tòa, bị cáo chưa thực sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khai báo không trung thực gây khó khăn cho cơ quan điều tra, kéo dài thời hạn giải quyết vụ án. Hiện tại, bị cáo cũng chưa khắc phục thiệt hại cho những người bị hại. Do đó, mức hình phạt 8 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã ấn định đối với bị cáo là phù hợp, đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo cũng như đảm bảo răn đe, phòng ngừa chung. Tại phiên tòa phúc thẩm, không xuất hiện tình tiết giảm nhẹ mới nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[5] Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ những căn cứ trên; căn cứ Điều 355, 356 Bộ luật tố tụng hình sự

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T; giữ nguyên quyết định về phần hình phạt tại bản án hình sự sơ thẩm số 39/2017/HSST ngày 27/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ, cụ thể như sau:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, xử phạt Bị cáo **Nguyễn Văn T** 08 (Tám) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 05/10/2016.

2. Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- Vụ I TANDTC;
- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Công an tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- Trại tạm giam CA tỉnh Phú Thọ;
- Bị cáo (qua trại);
- Lưu HS, PHC-TP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Minh Thu